

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2023/DS-ST**
Ngày: 10/4/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thế Băng.

2. Bà Võ Thị Ngọc Nga.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung-Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 22 tháng 3 và ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Dương Vũ L** sinh năm 1988.

HKTT: Phố 2 ấp 1, xã PL, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Lô 129-130-131A Khu công nghiệp Long Giang ấp 4, xã TL1, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh L: Anh **Nguyễn Hoàng X** sinh năm 1974 (Theo giấy ủy quyền ngày 19/8/2022).

Địa chỉ: ấp Long Thạnh, xã LA, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Danh S** sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp 5, xã TL1, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Danh Đ** sinh năm 1946.

Địa chỉ: Ấp 5, xã TL1, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Ngày 22 tháng 3 năm 2023 có mặt anh X, anh S, vắng mặt ông Đ; ngày 10 tháng 4 năm 2023 có mặt anh X, vắng mặt các đương sự còn lại).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Hoàng X trình bày:*

Vào ngày 25/9/2020, anh Dương Vũ L có cho anh Danh S vay số tiền 100.000.000 đồng; ngày 19/10/2020, vay tiếp 50.000.000 đồng. Tổng cộng vay 150.000.000 đồng với lãi suất của 02 lần vay là 1%/tháng. Hai bên có làm hợp đồng cầm cố tài sản vào ngày 23/12/2020, anh S là người ký hợp đồng và nhận tiền, thỏa thuận trả lãi vào ngày 10 hàng tháng, thời hạn vay là từ ngày 23/12/2020 đến ngày 23/12/2021. Anh S có giao cho anh L giữ: Bản chính giấy cổ đất, bản chính giấy sang nhượng đất hợp đồng giao đất nhận khoán ở ấp 5, xã TL1, huyện T, tỉnh Tiền Giang (do ông Đ- cha ruột của anh S đứng tên) và bản chính hợp đồng mua bán đất. Sau khi nhận tiền, anh S đóng lãi đủ cho anh L đến tháng 10/2021 thì ngưng, không trả tiền vốn gốc cho anh L.

Anh L đã nhiều lần yêu cầu anh S trả nợ nhưng anh S không thực hiện. Nay anh L yêu cầu anh S trả số tiền vốn là 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 12/2021 đến nay là 16 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng, tiền lãi là 19.920.000 đồng. Không yêu cầu giải quyết đối với các giấy tờ cầm cố.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 22/3/2023, anh Danh S trình bày:*

Thừa nhận việc vay tiền và lãi suất vay là đúng như anh X đã trình bày. Sau khi vay tiền, đến ngày 12/10/2020, anh có trả anh L 7.000.000 đồng. Từ ngày 12/11/2020 đến ngày 12/11/2021, mỗi tháng anh trả cho anh L 10.500.000 đồng (bao gồm 9.000.000 đồng tiền vốn và 1.500.000 đồng tiền lãi). Tổng cộng anh đã trả cho anh L 143.500.000 đồng, trong đó có 02 lần anh chuyển khoản trả cho anh L nhưng anh không nhớ chuyển qua ngân hàng nào và số tiền bao nhiêu.

Từ tháng 12/2021 đến nay, do tình hình dịch bệnh nên anh không có trả tiền cho anh L.

Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh L, chỉ đồng ý trả cho anh L số tiền 26.420.000 đồng.

Anh có giao cho anh L các bản chính (giấy cổ đất, giấy sang nhượng đất hợp đồng giao đất nhận khoán ở ấp 5, xã TL1, huyện T, tỉnh Tiền Giang (do ông Đ- cha ruột của anh S đứng tên) và hợp đồng mua bán đất) để làm tin. Nay không yêu cầu giải quyết đối với các giấy tờ này.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Danh Đ đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến và yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quá trình giải quyết vụ án anh Dương Vũ L trình bày có cho anh Danh S vay tiền và anh S cũng thừa nhận có việc vay tiền nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại xã TL1, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại

khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Ông Danh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Ngày 22 tháng 3 năm 2023, anh S có mặt nhưng đến ngày 10 tháng 4 năm 2023 thì anh S vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt anh S và ông Đ.

[3] Về yêu cầu trả nợ gốc là 150.000.000 đồng: Xét thấy tại hợp đồng cầm cố tài sản ngày 23/12/2020 và tại phiên tòa, anh S thừa nhận có vay của anh L số tiền 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh S cho rằng đã trả cho anh L 143.500.000 đồng (vốn và lãi) nhưng anh L không thừa nhận và anh S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Mặc khác, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để anh S cung cấp chứng cứ về việc chuyển khoản trả cho anh L nhưng đến nay anh S không cung cấp mà còn vắng mặt nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến này của anh S.

Do đó anh L yêu cầu anh S trả nợ gốc với số tiền 150.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Xét thấy tại hợp đồng cầm cố tài sản ngày 23/12/2020 không có thể hiện lãi suất nhưng anh S và anh X đại diện theo ủy quyền của anh L đều trình bày thống nhất lãi suất vay là 1%/tháng nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có lãi. Tại phiên tòa, anh S thừa nhận đã trả lãi đến tháng 11/2021 và anh An đại diện theo ủy quyền của anh L yêu cầu tính lãi từ tháng 12/2021 đến nay là 16 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng, tiền lãi là 19.920.000 đồng là có lợi cho anh S và phù hợp với Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với ý kiến của anh S chỉ đồng ý trả cho anh L số tiền 26.420.000 đồng. Xét ý kiến này của anh S không được anh X đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến này của anh S.

[6] Về việc cầm cố tài sản là các bản chính (giấy cổ đất, giấy sang nhượng đất hợp đồng giao đất nhận khoán ở ấp 5, xã TL1, huyện T, tỉnh Tiền Giang (do ông Đ-cha ruột của anh S đứng tên) và hợp đồng mua bán đất). Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí:

Anh S phải chịu 8.496.000 án phí dân sự sơ thẩm.

Anh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Vũ L.

Buộc anh Danh S trả cho anh Dương Vũ L số tiền 169.920.000 đồng (một trăm sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Anh Danh S phải chịu 8.496.000 án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho anh Dương Vũ L 4.162.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003257 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Tiền Giang.

3. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với anh L, anh S được tính từ ngày tuyên án; đối với ông Đ được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi